

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST.

Ngày: 31/3/2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thanh Bình.

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Vương Thị P**, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Vạn Thanh, xã TS, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bi đơn: Bà **Thị N**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Vạn Thanh, xã TS, huyện HĐ, tỉnh KG..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Vương Thị P trình bày như sau:*

Do quen biết nhau từ trước nên vào ngày 28 tháng 3 năm 2018 bà có cho bà Thị N vay số tiền 5.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/tháng/triệu đồng; đến ngày 28 tháng 4 năm 2018 bà tiếp tục cho bà N vay thêm số tiền 3.000.000đồng, lãi suất như trên, tổng cộng 02 lần vay là 8.000.000đồng. Khi vay tiền hai bên không có

làm giấy tờ gì và thỏa thuận thời hạn vay là vào tết năm 2019 bà N sẽ trả hết nợ cho bà P, bà N vay tiền làm vốn mua bán rau tươi.

Từ khi vay cho đến nay bà N có đóng lãi cho bà nhiều lần với số tiền 3.800.000đồng rồi không đóng lãi nữa. Hết thời hạn cam kết mà bà N không trả tiền nên bà có làm đơn thưa bà N đến BLĐ ấp Vạn Thanh yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 14/12/2020 bà N không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho bà số tiền gốc 8.000.000đồng và tiền lãi là 2.880.000đồng (thời gian tính lãi từ 28/5/2019 đến 28/11/2020 là 18 tháng với mức lãi suất 2%/tháng thành tiền 2.880.000đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 10.880.000đồng.

Tại phiên tòa, bà P yêu cầu bà N trả cho bà số tiền vay gốc 8.000.000đồng; bà xin rút yêu cầu tính lãi đối với bà N.

*\* Ý kiến của bị đơn bà Thị N trình bày:*

Bà N thừa nhận vào năm 2018 bà có vay của bà Vương Thị P 02 lần với tổng số tiền 8.000.000đồng, lãi suất và thời hạn trả nợ đúng như bà P trình bày. Do quen biết nên khi vay tiền hai bên không có làm giấy tờ gì, bà vay tiền làm vốn mua bán rau cải, trong thời gian vay tiền bà có đóng lãi cho bà P số tiền 7.800.000 đồng nhưng việc đóng lãi này không làm giấy tờ gì nên bà không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng. Do gia đình khó khăn nên bà chưa có tiền trả cho bà P.

Nay bà N đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà P nhưng bà xin được trả dần số nợ nêu trên.

*\* Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 467 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị P, buộc bà Thị N phải trả cho bà Vương Thị P số tiền 8.000.000đồng; đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị P đối với số tiền lãi 2.880.000đồng; Về án phí dân sự buộc bà Thị N phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:*

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, bà Vương Thị P yêu cầu bà Thị N phải trả cho bà số tiền vay còn thiếu nên đây được xác định là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn bà Thị N có nơi cư trú tại ấp Vạn Thanh, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định như sau:

Vào năm 2018 bà Thị N có vay tiền của bà Vương Thị P 02 lần với số tiền 8.000.000 đồng. Việc vay tiền hai bên không có làm giấy tờ gì, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/tháng/triệu đồng, thời hạn trả nợ là vào tết năm 2019. Trong quá trình thực hiện, bà N có đóng lãi cho bà P số tiền 3.800.000đồng rồi không đóng nữa cho đến nay. Sau nhiều lần yêu cầu bà N trả số nợ trên nhưng bà N không thực hiện nên bà P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng; Lời khai của bà P, bà N về số tiền vay, lãi suất và thời hạn trả nợ là hoàn toàn trùng khớp với nhau. Tổng 02 lần cho vay là 8.000.000đồng, số tiền này hiện nay bà N vẫn chưa trả cho bà P; qua quá trình làm việc tại Tòa án bà N thừa nhận rằng bà vẫn còn nợ bà P số tiền vay gốc là 8.000.000đồng và đồng ý có trách nhiệm trả số tiền này cho bà P. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện trả nợ của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của các đương sự, bà N có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 8.000.000đồng.

[4] Đối với chồng bà N; theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà P yêu cầu không đưa chồng bà N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì bà cho rằng bà không giao kết hợp đồng vay tiền với chồng bà N; đồng thời bà cũng không yêu cầu chồng bà N cùng chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho bà. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không đưa chồng bà N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Xét yêu cầu tính lãi; Theo đơn khởi kiện phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà P xin rút yêu cầu tính lãi đối với bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà Vương Thị P đối với số tiền lãi 2.880.000đồng.

Xét ý kiến của bị đơn; bà N cho rằng bà đã trả lãi cho bà P số tiền 7.800.000đồng, bà không có giấy tờ chứng minh bà P đã nhận số tiền này và cũng không được bà P thừa nhận, vì vậy bà cũng không yêu cầu Tòa án tính lại số tiền lãi đóng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét yêu cầu của bà N xin được trả dần số nợ trên nhưng không được bà P đồng ý. Căn cứ theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính quy định "...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...". Vì vậy, yêu cầu này của bà N là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận trong quá trình nghị án.

[8] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà N phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà P.

Bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 467 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

- 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị P.

Buộc bà Thị N phải trả cho bà Vương Thị P số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà P có đơn yêu cầu thi hành án phía bà N còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

**2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị P đối với số tiền lãi 2.880.000đồng.**

**3/ Về án phí DSST:** Buộc bà Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 400.000đồng.

Hoàn trả cho bà Vương Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0001456 ngày 31/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

**4/ Quyền kháng cáo:** Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TÁ tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Hồng Diệp**

